

BÀI 21: ĐẶC ĐIỂM CHUNG- VAI TRÒ THÂN MỀM

I - ĐẶC ĐIỂM CHUNG

Đặc điểm chung của ngành thân mềm là:

- Thân mềm, không phân đốt
- Có vỏ đá vôi, có khoang áo
- Hệ tiêu hóa phân hóa
- Cơ quan di chuyển thường đơn giản
- Riêng mực và bạch tuộc thích nghi với lối sống săn mồi và di chuyển tích cực nên vỏ tiêu giảm và cơ quan di chuyển phát triển

II -VAI TRÒ

***Lợi ích**

Hầu như tất cả các loài thân mềm đều có lợi

- Làm thức ăn cho người: mực, ngao, sò...
- Làm thức ăn cho động vật khác: ốc, ấu trùng của thân mềm
- Làm đồ trang trí: ngọc trai
- Làm sạch môi trường: trai, vẹm, hào
- Có giá trị xuất khẩu: bào ngư, sò huyết
- Có giá trị về mặt địa chất: hóa thạch các loài ốc, vỏ sò

*** Tác hại**

Tuy nhiên cũng có một số thân mềm có hại đáng kể

- Có hại cho cây trồng: ốc bươu vàng
- Làm vật chủ trung gian truyền bệnh giun sán: ốc đĩa, ốc tai, ốc mút

DẶN DÒ: HỌC BÀI

LÀM BÀI TẬP 1,2,3/73

BÀI 22: TÔM SÔNG

- Cơ thể tôm có 2 phần : phần đầu và ngực gắn liền (dưới giáp đầu - ngực) và phần bụng. Tôm sông sống phổ biến ở các sông, ngòi, ao, hồ... nước ta.

I - CẤU TẠO NGOÀI VÀ DI CHUYỂN

Cơ thể tôm có 2 phần : phần đầu và ngực gắn liền (dưới giáp đầu - ngực) và phần bụng.

Vỏ cơ thể

- Giáp đầu - ngực cũng như vỏ cơ thể tôm cấu tạo bằng kitin.
- Nhờ ngấm thêm canxi nên vỏ tôm cứng cáp, làm nhiệm vụ che chở và chỗ bám cho hệ cơ phát triển, có tác dụng như bộ xương (còn gọi là bộ xương ngoài).
- Thành phần vỏ cơ thể chứa các sắc tố làm tôm có màu sắc của môi trường.

II - DINH DƯỠNG

- Tôm kiếm ăn vào lúc chập tối.
- Thức ăn của tôm là thực vật, động vật (kể cả môi sống lẫn môi chết).
- Nhờ các tế bào khứu giác trên 2 đôi râu rất phát triển, tôm nhận biết thức ăn từ khoảng cách rất xa.
- Đôi càng bắt mồi, các chân hàm nghiền nát thức ăn.
- Thức ăn qua miệng và hầu, được tiêu hoá ở dạ dày nhờ enzym từ gan tiết vào và được hấp thụ ở ruột,
- ôxi được tiếp nhận qua các lá mang.
- Tuyến bài tiết nằm ở gốc đôi râu thứ 2.

III- SINH SẢN

- Tôm phân tính : Đực, cái phân biệt rõ.
- Khi đẻ, tôm cái dùng các đôi chân bụng ôm trứng.
- Trứng tôm nở thành ấu trùng, lột xác nhiều lần mới cho tôm trưởng thành.

DẶN DÒ: HỌC BÀI

LÀM BÀI TẬP 1,2,3/76

BÀI 24: ĐA DẠNG VÀ VAI TRÒ CỦA GIÁP XÁC

I.MỘT SỐ GIÁP XÁC KHÁC

- Đa số giáp xác ở nước, 1 số ít ở cạn hoặc ký sinh trên động vật
- Gồm : tôm ,cua, tôm ở nhờ, rận nước, mọt ẩm..

II. VAI TRÒ THỰC TIỄN

- Hầu hết giáp xác là có lợi như : tôm sông, tôm hùm, tôm hẹ, tôm sú, tôm càng xanh, tép, ruốc, cua biển, ghẹ, còng, cáy... Một số giáp xác có giá trị xuất khẩu cao.
- Tuy thế một số nhỏ giáp xác có hại như : truyền bệnh giun sán, kí sinh ở da và mang cá gây chết cá hàng loạt hay sống bám vào vỏ tàu thuyền làm tăng ma sát, giảm tốc độ di chuyển của tàu thuyền và có hại cho các công trình dưới nước.

DẶN DÒ: HỌC BÀI

LÀM BÀI TẬP 1,2,3/81

BÀI 25: NHỆN- SỰ ĐA DẠNG CỦA LỚP HÌNH NHỆN

Cơ thể nhện gồm : phần đầu - ngực và phần bụng

I - NHỆN

1. Đặc điểm cấu tạo

- Cơ thể nhện gồm : phần đầu - ngực và phần bụng
- Các bộ phận của nhện như sau:

Các phần cơ thể	Tên các bộ phận quan sát thấy	Chức năng
Phần đầu – ngực	Đôi kìm có tuyến độc	Bắt mồi và tự vệ
	Đôi chân xúc giác (phủ đầy lông)	Cảm giác về khứu giác, xúc giác
	4 đôi chân bò	Di chuyển và chăng lưới
Phần bụng	Phía trước là đôi khe thở	Hô hấp
	Ở giữa là 1 lỗ sinh dục	Sinh sản
	Phía sau là các núm tuyến tơ	Sinh ra tơ nhện

2. Tập tính chăng lưới

Chăng dây tơ khung > Chăng dây tơ phóng xạ > Chăng các sợi tơ vòng > Chờ mồi (ở trung tâm lưới)

Khi rình mồi, nếu có sâu bọ sa lưới, lập tức nhện hành động theo các thao tác sắp xếp hợp lí sau đây:

- Nhện ngoạm chặt mồi chích nọc độc
- Tiết dịch tiêu hóa vào cơ thể con mồi
- Trói chặt mồi rồi treo vào lưới để một thời gian.
- Nhện hút dịch lỏng ở con mồi

II- SỰ ĐA DẠNG CỦA LỚP HÌNH NHỆN

Một số đại diện

- Bọ cạp, cái ghẻ, ve bò, nhện nhà..

+Ý nghĩa thực tiễn:

- Một số ký sinh gây hại: cái ghẻ, ve bò..
- Đa số có lợi vì ăn sâu bọ có hại

DẶN DÒ: HỌC BÀI

LÀM BÀI TẬP 1,2,3/85